

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:24/2018/DS - ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích

Ngọc Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp;

2. Ông Nguyễn Đình La.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Mậu Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST - DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:66/2018/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV.

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, số 9, ĐVB, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng Gi – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1989(Có mặt).

Địa chỉ: Số 60, đường LD, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.Bị đơn: Anh Phùng Văn Th, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn HT, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày: Ngày 25 tháng 9 năm 2016 anh Phùng Văn Th có ký Hợp đồng tín dụng số 20160922- 129002- 3555 với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV (Công ty tài chính) để vay số tiền 28.736.196 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3,75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận anh Phùng Văn Th có trách nhiệm thanh toán số tiền 53.338.000đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng (tương đương với 36 kỳ thanh toán) 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả số tiền 1.468.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 1.958.000 đồng). Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Th nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính được 03 kỳ với tổng số tiền là 5.828.000đ trong đó tiền gốc là 2.460.985đ, tiền lãi là 3.367.000đ. Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2017 anh Th không trả tiền là đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng là không thanh toán tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do anh Th đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên Công ty tài chính đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Phùng Văn Th phải thực hiện hợp đồng trả một lần cho Công ty tài chính toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 14-9-2018 là 43.128.537đồng trong đó tiền nợ gốc là 26.275.211 đồng, tiền nợ lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng là 16.853.326đồng. Đối với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng Công ty tài chính không yêu cầu anh Th phải thanh toán nhưng đề nghị phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Phùng Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đối với anh Phùng Văn Th nhưng anh Th đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với anh Th và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Phùng Văn Th phải thanh toán cho Công ty Tài chính tiền gốc và tiền lãi là 43.128.537đồng trong đó tiền nợ gốc là 26.275.211 đồng, tiền nợ lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng là 16.853.326đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Án phí dân sự sơ thẩm anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV và anh Phùng Văn Th. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Th nhiều lần. Quá trình thu thập chứng cứ đối với gia đình anh Th xác định được anh Th đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Công ty tài chính và triệu tập anh, nhưng anh Th đều không đến Tòa án theo giấy triệu tập và không thông báo địa chỉ cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và cho gia đình biết địa chỉ cụ thể của anh, như vậy anh Th đã cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với anh Th. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện nên cần áp dụng điểm e, khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2].Thỏa thuận giữa các bên được thể hiện trong nội dung của hợp đồng tín dụng số 20160922- 129002- 3555 ngày 25 tháng 9 năm 2016 giữa bên cho vay là Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV và bên vay là anh Phùng Văn Th, số tiền vay là 28.736.196 đồng với mục đích vay, lãi suất, cách thức tính lãi, số tiền chưa trả phản ánh đúng như đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa. Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được hai bên ký kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Hợp đồng trên là hợp pháp để các bên thực hiện. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Công ty tài chính anh Th mới trả được 5.828.000đ tiền nợ gốc và nợ lãi. Từ ngày 30 tháng 9 năm 2017 đến nay anh Th không thực hiện nghĩa vụ của mình để trả nợ gốc và lãi cho Công ty tài chính theo hợp đồng đã ký kết, lỗi hoàn toàn thuộc về anh Th. Công ty Tài chính đề nghị anh Th trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ. Cần buộc anh Th trả cho Công ty Tài chính số tiền gốc và tiền lãi là 43.128.537đồng trong đó tiền nợ gốc là 26.275.211 đồng, tiền nợ lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng là 16.853.326đồng. Đối với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, đây là khoản tiền vay được áp dụng theo Luật các tổ chức tín dụng, nhưng phía nguyên đơn tự nguyện đề nghị không áp dụng lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà đề nghị sau khi bản án có hiệu lực pháp luật áp dụng mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Yêu cầu của đại diện nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[3]Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án có căn cứ, được xem xét khi quyết định

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 280,463,466, 357,468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Phùng Văn Th phải thanh toán nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV số tiền 43.128.537đ (Bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc là 26.275.211đồng; Nợ lãi là 16.853.326đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phùng Văn Th không thanh toán số tiền trên thì anh Th phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Văn Thăng phải chịu 2.156.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng VN TV 995.000đ (Chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001017 ngày 31 tháng 5 năm 2018.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Các đương sự;
- LuuHS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Bích Ngọc

Bản án số: 36/2017/DSST

Ngày: 20 – 9 – 2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Ông Phạm Quốc Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Sáu– Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số 27/2017/TLST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX- ST ngày 14/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-HPT ngày 31/8/217 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V- Địa chỉ: số 2, L, quận B, H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khánh T – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V- Chi nhánh Thị xã B, tỉnh Bình Phước, Theo quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khánh T: Ông Đinh Hồng L – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, Chi nhánh Thị xã B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 1, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Khuất Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Hồng L trình bày:

Vào ngày 17/9/2014 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, đại diện là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh Thị xã B, tỉnh tỉnh Bình Phước (Sau đây gọi là Ngân hàng nông nghiệp B) ký hợp đồng tín dụng số 5603 LAV201405864 tại phòng giao dịch A cho hộ gia đình ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2014, lãi suất là 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn là chăn nuôi bò. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/9/2014 thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng là quyền sử dụng 210,8m² đất có giấy chứng nhận số AN 985097 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19 tháng 12 năm 2008 đứng tên Đỗ Minh T và Khuất Thị H.

Trong báo cáo thẩm định ngày 17/9/2017 ghi nhận ông T, bà H có nghĩa vụ trả lãi 06 tháng một lần. Ông T, bà H đã đóng lãi đến ngày 19/3/2015.

Đến ngày 17 tháng 9 năm 2015 hợp đồng tín dụng trên đã đến hạn trả nhưng ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H không thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp B số tiền gốc đã vay 150.000.000đ và tiền lãi theo hợp đồng. Vì vậy, ngày 27/3/2017 Ngân hàng nông nghiệp B khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ, tiền lãi trong hạn từ ngày 20/3/2015 đến ngày 17/9/2015 là 7.918.750đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 18/9/2015 đến ngày 20/9/2017 là 48.084.800đ. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Đỗ Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khuất Thị H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự qua đường bưu điện cho ông T và bà H nhưng hai đương sự trên không đến Tòa án làm việc. Ngày 24 tháng 5 năm 2017 Tòa án đã tiến hành xác minh và được chính quyền địa phương cung cấp thông tin là ông T và bà H còn cư trú tại địa phương, nhưng hai đương sự đi làm công nhân nên không thường xuyên ở nhà. Do không thể tổng đạt trực tiếp các văn

bản tố tụng cho ông T, bà H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đến nay, ông T, bà H vẫn không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị: Không.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả xét xử tại tòa thể hiện ông T bà H ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng nông nghiệp B số tiền 150.000.000đ với mục đích chăn nuôi bò. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T bà H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ, hết hạn hợp đồng cũng không trả cả nợ gốc và tiền lãi. Do vậy, ông T bà H đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, đại diện là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh thị xã B, Bình Phước khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh T và vợ là bà Khuất Thị H trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 5603 LAV201405864. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Minh T, bà Khuất Thị H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 31/8/2017 Tòa án nhân dân huyện H đã mở phiên tòa lần thứ nhất, ông T và bà H vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông T, bà H vẫn không tham gia nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại Đơn khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp B chỉ yêu cầu Đỗ Minh T trả nợ nhưng tại Bản tự khai ngày 13/4/2017 và tại phiên toà Ngân hàng nông nghiệp B yêu cầu bà Khuất Thị H cùng với ông T trả khoản nợ trên. Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 5603 LAV201405864 ngày 17/9/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/9/2014 thể hiện ông Đỗ Minh T và vợ là bà Khuất Thị H cùng đứng tên trong hợp đồng. Theo Sổ hộ khẩu số 01847 của hộ ông Đỗ Minh T và Biên bản xác minh ngày 24/5/2017 của Toà án tại Công an xã T cũng xác định ông T và bà H là vợ chồng. Do vậy, Toà án nhân dân huyện H xác định bà Khuất Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và cùng ông T chịu trách nhiệm với đối với khoản tiền đã vay của Ngân hàng nông nghiệp B.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng nông nghiệp B cung cấp cho Toà án Hợp đồng tín dụng số 5603 LAV201405864 ngày 17/9/2014 và các tài liệu chứng cứ liên quan. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/9/2014 có xác nhận của Văn phòng Công chứng A, tỉnh Bình Phước thể hiện ông Đỗ Minh T, bà Khuất Thị H tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng 210,8m² đất có giấy chứng nhận số AN 985097 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19 tháng 12 năm 2008 do ông bà đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay 150.000.000đ. Như vậy, có cơ sở xác định hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tự nguyện và đúng quy định của Pháp luật.

Theo biên bản kiểm tra sau khi cho vay và giấy xác nhận mua bán bò, trâu có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện ông T, bà H sử dụng tiền vay đúng mục đích là chăn nuôi bò. Theo thoả thuận ông T, bà H có nghĩa vụ trả lãi 06 tháng một lần nhưng ông bà chỉ trả lãi 01 lần vào ngày 19/3/2015. Khi hợp đồng đến hạn, ông T và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng nông nghiệp B khởi kiện ông T và bà H để thu hồi nợ là phù hợp với hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Từ những nhận định trên thấy được yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp B đối với ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể số tiền ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp B như sau:

Nợ gốc: 150.000.000đ.

Tiền lãi trong hạn từ ngày 20/3/2015 đến ngày 17/9/2015 là 7.918.750đ.

Tiền lãi quá hạn quá hạn từ ngày 18/9/2015 đến ngày 20/9/2017 là 48.084.800đ.

Tổng cộng: 206.003.550đ (hai trăm lẻ sáu triệu, không trăm không ba nghìn năm trăm năm mươi đồng).

Yêu cầu của Ngân hàng về việc ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với Hợp đồng các bên đã giao kết nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp B được chấp nhận nên ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H chịu 10.300.177đ án phí dân sự sơ thẩm.

Từ các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, các điều 35, 147, 173, 203, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, đại diện là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh Thị xã B, Bình Phước.

Buộc ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, đại diện là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh Thị xã B, Bình Phước số tiền gốc và lãi tổng cộng là 206.003.550đ (hai trăm lẻ sáu triệu, không trăm không ba nghìn năm trăm năm mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 150.000.000đ, lãi trong hạn 7.918.750đ và lãi quá hạn tính đến ngày 20/9/2017 là 48.084.800đ.

Ông Đỗ Minh T, bà Khuất Thị H phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đỗ Minh T và bà Khuất Thị H chịu 10.300.177đ (mười triệu ba trăm nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, đại diện là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh Thị xã B, Bình Phước tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.553.900 đồng theo biên lai số 0012049 ngày 12/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự;
- THADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2017/KDTM-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy

Duyên Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lý
2. Ông Phạm Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST- KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1511/2017/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1733/2017/QĐST - KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng TV; địa chỉ trụ sở chính tại: Đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ liên lạc: Đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 857/2017/XLN - AMC ngày 10/3/2017). (Có mặt).

2/ *Bị đơn:* Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X; địa chỉ trụ sở chính tại: Đường T, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Ngọc A, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ M, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Ngân hàng TV - Chi nhánh G và Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X có ký kết Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cùng số SME/EGV/14/0035/HDTD ngày 07/8/2014 với nội dung:

Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X vay của Ngân hàng TV - Chi nhánh G số tiền 570.000.000 (Năm trăm bảy mươi triệu) đồng, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân 07/8/2014, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 6%/năm và cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó sẽ điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần, mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 5,55%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô, phương thức trả nợ bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 07 hàng tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 9.500.000 (Chín triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số khung FF80FW284054, số máy P4AT1192863, biển số 51C-452.34 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003333 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2014. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/14/0035/HDTC ngày 07/8/2014 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm số 1163414881 ngày 07/8/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình sử dụng vốn vay Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, chỉ thanh toán đến ngày 08/7/2016 được tổng cộng là 307.690.000 (Ba trăm lẻ bảy triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng, gồm tiền nợ gốc 209.000.000 (Hai trăm lẻ chín triệu) đồng và tiền lãi 98.690.000 (Chín mươi tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng. Tính đến ngày 07/9/2017 Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 451.074.765 (Bốn trăm năm mươi một triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó nợ gốc 361.000.000 (Ba trăm sáu mươi một triệu) đồng; nợ lãi từ ngày 08/7/2016 đến ngày 07/9/2017 là 90.074.765 (Chín mươi triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng, gồm nợ lãi trong hạn 60.049.843 (Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn 30.024.922 (Ba mươi triệu không trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi hai) đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi là 451.074.765 (Bốn trăm năm mươi một triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng cho Ngân hàng TV ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2017 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TV đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ.

Tại lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Đỗ Ngọc A trình bày:

Nhất trí như lời trình bày của người đại diện theo uỷ của nguyên đơn, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cùng số SME/EGV/14/0035/HDTD ngày 07/8/2014 và thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, biển số 51C-452.34 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X để vay số tiền 570.000.000 (Năm trăm bảy mươi triệu) đồng như ông H trình bày. Bị đơn thừa nhận chỉ thanh toán nợ cho nguyên đơn đến ngày 08/7/2016 thì không thanh toán nữa, hiện còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 361.000.000 (Ba trăm sáu mươi một triệu) đồng; về tiền lãi bị đơn đề nghị cho thời gian để kiểm tra lại, sau khi các bên thống nhất bị đơn sẽ thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ vào ngày 25/10/2017 và chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán đúng hạn thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để nguyên đơn thu hồi nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ngân hàng TV khởi kiện Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng theo Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/14/0035/HDTD ngày 07/8/2014 các bên thoả thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết. Thực tế Hợp đồng tín dụng trên được ký tại Ngân hàng TV - Chi nhánh G, địa chỉ: Đường Q, Phường B, quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn là Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

2.1 *Xét yêu cầu đòi nợ gốc:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ cùng số SME/EGV/14/0035/HDTD ngày 07/8/2014;

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số SME/EGV/14/0035/HDTC ngày 07/8/2014; Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1163414881 ngày 07/8/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có cơ sở để khẳng định:

Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ cùng số SME/EGV/14/0035/HDTD ngày 07/8/2014 do ông Đỗ Ngọc A là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã ký với Ngân hàng TV - Chi nhánh G là hợp đồng vay tài sản, có biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số khung FF80FW284054, số máy P4AT1192863, biển số 51C-452.34 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003333 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2014. Sau khi vay bị đơn chỉ thanh toán số tiền 307.690.000 (Ba trăm lẻ bảy triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 209.000.000 (Hai trăm lẻ chín triệu) đồng, tiền lãi 98.690.000 (Chín mươi tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn) đồng.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác nhận bị đơn còn nợ Ngân hàng TV tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 07/9/2017 là 361.000.000 (Ba trăm sáu mươi một triệu) đồng. Phía bị đơn dù không có mặt tại phiên toà nhưng tại bản tự khai cũng như các buổi làm việc tại Toà thừa nhận việc ký hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, việc thế chấp tài sản và hiện còn nợ số tiền gốc như nguyên đơn trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn.

2.2 *Đối với yêu cầu đòi tiền lãi:* Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi bị đơn phải trả tính từ ngày 08/7/2016 đến ngày 07/9/2017 là 90.074.765 (Chín mươi triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng, bao gồm nợ lãi trong hạn 60.049.843 (Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn 30.024.922 (Ba mươi triệu không trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi hai) đồng phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ đã ký nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

2.3 *Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 08/9/2017 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ đã ký.* Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

2.4 Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Bị đơn đề nghị được thanh toán vào ngày 25/10/2017 không được nguyên đơn chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn mà chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.5 Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp số SME/EGV/14/0035/HDTC ngày 07/8/2014; đăng ký giao dịch bảo đảm số 1163414881 ngày 07/8/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật về tài sản thế chấp nên được công nhận.

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp trên cùng với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể: Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số khung FF80FW284054, số máy P4AT1192863, biển số 51C-452.34 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003333 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2014 để thu hồi nợ.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, mức án phí là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng.

Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 20.000.000 đồng + (51.074.765đ x 4%) = 22.042.991 (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm chín mươi một) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 4 Luật thương mại năm 2005;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 290, 342, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X phải thanh toán cho Ngân hàng TV số tiền: 451.074.765 (Bốn trăm năm mươi một triệu không

trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc 361.000.000 (Ba trăm sáu mươi một triệu) đồng, nợ lãi trong hạn: 60.049.843 (Sáu mươi triệu không trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn: 30.024.922 (Ba mươi triệu không trăm hai mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi hai) đồng, thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X thanh toán xong nợ, Ngân hàng TV có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003333, tên chủ xe là Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X, biển số đăng ký 51C-452.34 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2014.

Trường hợp Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, số khung FF80FW284054, số máy P4AT1192863, biển số 51C-452.34 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003333 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/2014.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X phải chịu án phí là 22.042.991 (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm chín mươi một) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 9.980.166 (Chín triệu chín trăm tám mươi ngàn một trăm sáu mươi sáu) đồng cho Ngân hàng TV theo biên lai thu số AA/2016/0018194 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH Phát triển Năng Lượng X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QGV;
- Chi cục THADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Thúy Duyên

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày 16-7-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sóng.
2. Ông Bùi Đức Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- i i n i n k i m s t n h n n h u n Th Phòng tham gia phi n t : Ông Đào Quang Liêm - Ki **g u n, thành phố Hải m**
sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính; địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L và ông Ngô Văn P, cùng địa chỉ: Số 16A/119 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (giấy ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22/3/2017 và số 96/UQTT-QTRR.17 ngày 30/11/2017 của Công ty tài chính); có mặt

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1961; cư trú tại Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Giữa Công ty tài chính (sau đây gọi tắt là công ty tài chính) với ông Trịnh Văn T đã thỏa thuận và ký hợp đồng

tín dụng số 20160229-151019-0105 ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 25/02/2016 Theo hợp đồng, công ty tài chính cho ông Thuận vay số tiền 42 200.000 đồng đ tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 35%/năm Ông T có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi theo kỳ số tiền cả gốc và lãi là 1 909 000 đồng/tháng (vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4/2016). Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Thực hiện hợp đồng, công ty tài chính đã giải ngân và ông T đã nhận đủ số tiền 42 000.000 đồng Đến ngày xét xử sơ thẩm, ông T mới thanh toán được cho công ty tài chính số tiền nợ gốc 13 370 000 đồng (chưa trả được số tiền lãi) và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty tài chính. Công ty tài chính đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu ông T thanh toán cho công ty tài chính theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên Tuy nhiên, ông T không thực hiện việc trả nợ. Do ông T đã vi phạm thỏa thuận nên công ty tài chính khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho công ty tài chính số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 49.082.790 đồng (trong đó nợ gốc là 28.830.000 đồng, nợ lãi là 20.252.790 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 17/7/2018.

Ông Trịnh Văn T là bị đơn, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án và không có ý kiến về việc công ty tài chính khởi kiện đối với ông.

Tại phiên toà Ki m sát viên phát bi u ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng Về việc giải quyết vụ án, Ki m sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ đi m b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về yêu cầu khởi kiện của công ty tài chính đối với ông Trịnh Văn T.

Xét hợp đồng tín dụng số 20160229-151019-0105 ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 25/02/2016 giữa công ty tài chính với ông Trịnh Văn T đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của công ty tài chính là bên cho vay với bên vay là ông T. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích đ thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là công ty tài chính

đã giải ngân, ông T đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng Như vậy, công ty tài chính đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng

Việc ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty tài chính từ ngày 29/11/2016 đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Công ty tài chính có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay là ông T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty tài chính buộc ông Trịnh Văn T phải thanh toán số tiền 49 082 790 đồng (trong đó nợ gốc là 28 830 000 đồng, nợ lãi là 20 252 790 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 17/7/2018 cho đến khi ông T trả hết nợ

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; đi m a khoản 1 Điều 35, đi m a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính, buộc ông Trịnh Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2018) là 49 082 790 đồng (trong đó nợ gốc là 28 830 000 đồng, nợ lãi là 20.252.790 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 17/7/2018 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng số 20160229-151019-0105 ngày 25/02/2016 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 25/02/2016 giữa công ty tài chính với ông Trịnh Văn T.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty tài chính thì ông Trịnh Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính theo lãi suất được điều chỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật

2 Về án phí sơ thẩm: Ông Trịnh Văn T có nghĩa vụ nộp 2 454 000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại cho Công ty tài chính số tiền 1 200 000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0008589 ngày 21/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Thủy Nguyên)

3 Về quyền kháng cáo: Công ty tài chính có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, k từ ngày tuyên án

Ông Trịnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, k từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

ời nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS H Thủy Nguyên;
- VKSND H Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:25/2018/DS - ST
Ngày 10 tháng 10 năm 2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bích

Ngọc Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh;

2. Ông Nguyễn Đức Nghiệp.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ý Tường- Thư ký Toà án nhân dân huyện

TD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:12/2018/TLST - DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:70/2018/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA;

Địa chỉ: Số 130, PDL, phường 3, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn M – Phó phòng quản lý tín dụng Ngân hàng TMCP ĐA – Chi nhánh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Kiều Thị P, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố ĐL, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Kim Văn Gi, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố ĐL, thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn HH (vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày: Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Thị trấn HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc hiện đang liên kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐA Chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân hàng Đông) để triển khai chương trình cho vay “ Cùng Hội Phụ Nữ Vượt Khó”. Thông qua chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ và tổ trưởng tổ vay vốn thôn ĐL, thị trấn HH. Ngày 04 tháng 8 năm 2016 Ngân Hàng ĐA có cấp tín dụng cho khách hàng là bà Kiều Thị P số tiền vay là 20.000.000đ; Lãi suất: 10%/năm; Thời hạn vay: 18 tháng (T ngày 04/08/2016 đến 03/02/2018) theo Hợp đồng vay vốn số 0134271801T16004. Khi vay, chị P có ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và anh Gi có ký mục người bảo lãnh. Trong quá trình vay, t ngày 04/08/2016 đến ngày 31/8/2018 bà Kiều Thị P đã trả được tổng số tiền như sau:

- Tiền gốc: 12.079.092 VND
- Lãi trong hạn: 1.702.909 VND
- Lãi quá hạn: 280.000 VND
- Tổng cộng: 14.062.001 VND (*Bằng chữ: mười bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn không trăm linh một đồng.*)

Tính đến ngày 04/9/2018, Bà Kiều Thị P còn nợ các khoản sau:

- Tiền gốc: 7.920.908VND
- Lãi trong hạn: 1.291.535VND
- Lãi quá hạn: 1.447.437VND

Tổng cộng: 10.659.880. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Kiều Thị P phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 10.659.880đ trong đó nợ gốc 7.920.908đ, lãi trong hạn là 1.291.535đ, lãi quá hạn là 1.447.437đ. Khoản vay này là của chung anh Gi và chị P nhưng anh Gi đi làm xa nên chị P tự nguyện đề nghị một mình chị có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đồng ý với quan điểm của chị P và đề nghị chị P có trách nhiệm trả khoản nợ còn lại nêu trên cho Ngân hàng và lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 5 tháng 9 năm 2018 theo hợp đồng tín dụng số 0134271801T16004 ngày 04 tháng 8 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Bị đơn chị Kiều Thị P vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 31 tháng 8 năm 2018 chị P khai: Khoảng tháng 8 năm 2016, chị có ký hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ

phân ĐA Chi nhánh Vĩnh Phúc để vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất bao nhiêu chị không nhớ, thời hạn vay là 18 tháng, mục đích vay để tiêu dùng, hình thức bảo đảm nợ vay bằng tín chấp, chị không phải thế chấp tài sản gì. Quá trình vay, chị đã trả được cho Ngân hàng được một số tiền. Khoản vay này là vay chung của vợ chồng chị, chị là người trực tiếp ký vay còn anh Gi có ký với tư cách là người bảo lãnh. Mặc dù là số nợ chung của vợ chồng nhưng hiện nay anh Gi đi làm xa nên chị tự nguyện đề nghị một mình có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chị đồng ý trả nhưng đề nghị được trả dần vì hiện giờ chị không có điều kiện trả ngay toàn bộ khoản nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn HH vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2018 bà Nguyễn Thị Kết đại diện Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn HH trình bày: Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn HH có liên kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA cho vay trả góp đối với hội viên của Hội. Quá trình vay chị P và anh Gi trả nợ cho Ngân hàng như thế nào bà không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị chị P phải trả khoản nợ còn lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Kiều Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền là 10.659.880đ, trong đó nợ gốc 7.920.908đ, lãi trong hạn là 1.291.535đ, lãi quá hạn là 1.447.437đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 0134271801T16004 ngày 04 tháng 8 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc. Án phí dân sự sơ thẩm chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA và chị Kiều Thị P. Thỏa thuận giữa các bên được thể hiện trong nội dung của Hợp đồng vay vốn số 0134271801T16004 ngày 04 tháng 8 năm 2016 giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA và bên vay là chị Kiều Thị P, số tiền vay là 20.000.000đ với mục đích vay, lãi suất, cách thức tính lãi, số tiền đã trả phản ánh đúng như đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa. Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được hai bên ký kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Hợp đồng trên là hợp pháp để các bên thực hiện. Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA chị P đã trả cho Ngân hàng số tiền là 14.062.001đ (trong đó nợ gốc là 12.079.092đ, Lãi trong hạn là 1.702.909đ, Lãi

quá hạn là 280.000đ). T ngày 31 tháng 8 năm 2018 đến nay chị P, anh Gi không thực hiện nghĩa vụ của mình để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết, lỗi hoàn toàn thuộc về chị P, anh Gi. Số nợ trên là nợ chung của vợ chồng chị Kiều Thị P và anh Kim Văn Gi, giữa Ngân hàng và chị P đều đề nghị để một mình chị Kiều Thị P có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Đề nghị của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA đề nghị chị P trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ. Cần buộc chị P trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi tổng số là 10.659.880đ.

[2] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án có căn cứ, được xem xét khi quyết định

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Kiều Thị P phải thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA số tiền 10.659.880đ (Mười triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn tám trăm tám mươi đồng) trong đó: Nợ gốc là 7.920.908 đồng, lãi trong hạn là 1.291.535 đồng, lãi quá hạn là 1.447.437 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 0134271801T16004 ngày 04 tháng 8 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kiều Thị P phải chịu 532.900đ (Năm trăm ba mươi hai nghìn chín trăm đồng chẵn).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA 429.000đ(Bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000904 ngày 02 tháng 3 năm 2018.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể t ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày thời hạn kháng cáo tính t ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Các đương sự;
- LuuHS,VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Bích Ngọc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/ KDTM- ST

Ngày: 23/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Tiến Tới.

2. Bà Mai Thị Tiếp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST - KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXX- ST ngày 19 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2018 ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

Địa chỉ: Đường Đ, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Mai Thị Phương Th - Phó GD Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1984

Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/7/2015, anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y đã ký hợp đồng tín dụng số: 15990181/2015/HĐTD/NHCT420 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa, để vay số tiền là 250.000.000đ; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất tại thời điểm vay là 7,89%/năm, được điều chỉnh theo quy định trong từng thời kỳ; mục đích vay là kinh doanh dịch vụ cho thuê đồ lễ nạp tài, phong rập.

Cùng ngày, anh Nguyễn Văn Kh ký giấy nhận nợ, theo đó khoản nợ được giải ngân theo giấy nhận nợ là 250.000.000đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: xã Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA 303555 do UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18/6/2015 đứng tên Nguyễn Văn Kh.

Việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 10/01/2016, khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã thông báo, làm việc nhiều lần, yêu cầu khách hàng trả nợ nhưng anh Kh, chị Y vẫn không trả được nợ như đã cam kết.

Nay Ngân hàng TMCP C đề nghị Tòa án buộc anh Kh, chị Y phải trả cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23/11/2018 tổng số tiền 330.703,291đ; trong đó khoản nợ gốc là 232.100.000đ, lãi trong hạn: 76.865.870, lãi quá hạn: 21.737.422đ.

Nếu anh Khương, chị Yến không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y: Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh, chị Y không có mặt tại nơi cư trú. Ngân hàng TMCP C đã có yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Ngày 06/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố H đã ra quyết định “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y. Thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Ngày 06/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã ra quyết định “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 319, 342, 343, 344, 355, Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Vì vậy áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa với anh Nguyễn Văn Kh, chị Hoàng Thị Y với mục đích bổ sung vốn kinh doanh phòng rạp đám cưới. Hợp đồng được ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa có đăng ký kinh doanh, anh Nguyễn Văn Kh có xác nhận ngành nghề kinh doanh hộ gia đình, hai bên đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, khi phát sinh tranh chấp là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa (Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự).

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng tín dụng số: 15990181/2015/HĐTD/NHCT420 ngày 07/7/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa với anh Nguyễn Văn Kh, chị Hoàng Thị Y thể hiện anh Kh, chị Y được ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa cho vay số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất tại thời điểm vay là 7,89%/năm được điều chỉnh theo quy định trong từng thời kỳ; mục đích vay là kinh doanh dịch vụ cho thuê đồ lễ nạp tài, phòng rạp. Ngân hàng đã giải ngân bằng giấy nhận nợ ngày 07/7/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Kh, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 10/01/2016, khoản vay của anh Kh, chị Y đã chuyển sang nợ quá hạn. Chị Hoàng Thị Y đã ký nhận các thông báo nợ đến hạn của ngân hàng. Tại Biên bản làm việc ngày 22/01/2016; Biên bản làm việc ngày 04/3/2016; Biên bản làm việc ngày 14/3/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thanh Hóa với chị Hoàng Thị Y, chị Y trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng, Chị đề nghị Ngân hàng xem xét, giúp đỡ. Từ tháng 6 năm 2016, anh Kh và chị Y đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Kh, chị Y để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân thành phố H đã có quyết định số 14/2017/QĐDS-ST ngày 06/11/2017 về việc “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú”.

Tính đến ngày 23/11/2018, anh Kh, chị Y đang còn nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc: 232.100.000đ và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn. Như vậy, anh Kh và chị Y đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng ký giữa hai bên về thời hạn và phương thức trả nợ. Việc Ngân hàng yêu cầu anh Kh, chị Y thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày 23/11/2018 Nợ gốc: 232.100.000đ; lãi trong hạn: 76.865.870, lãi quá hạn: 21.737.422đ. Tổng cộng: 330.703,291đ (Đã xem xét

bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 15990181/2015/HĐTD/NHCT420 ngày 07/7/2015 và Giấy nhận nợ ngày 07/7/2015, phù hợp với Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

[3.2] Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho khoản vay các bên đã ký Hợp đồng thế chấp số 1599018/HĐBĐ ngày 07/7/2015. Theo Hợp đồng, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: xã Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA 303555 do UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18/6/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Kh. Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được bên B sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai gọi chung là “Tài sản gắn liền với đất”.

Việc thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật. Theo quy định pháp luật và cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng TMCP C là phù hợp với quy định tại Điều 355 và Điều 721 Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

[4] Về án phí: Anh Kh, chị Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 là: 16.535.164đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 319, 342, 343, 344, 355, Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.
- Buộc anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền: Nợ gốc là 232.100.000đ, lãi trong hạn: 76.865.870, lãi quá hạn: 21.737.422đ. Tổng cộng: 330.703,291đ.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Kh, chị Y phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 15990181/2015/HĐTD/NHCT420 ngày 07/7/2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Kh, chị Y không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thanh Hóa kê biên phát mại xử lý tài sản thế chấp theo

quy định của pháp luật toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: xã Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CA 303555 do UBND thành phố H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18/6/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Kh.

Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 1599018/HĐBĐ ngày 07/7/2015 tại Văn phòng công chứng H, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Kh và chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 16.535.164đ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí KDTM đã nộp là: 7.543.000 đ (Bảy triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng), theo biên lai thu số AA/2016/0005387 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Thị Anh



**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 23/9/2019.

Về việc: “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Vinh;

2. Ông Lê Huy Cường;

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Thế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên
tòa:** Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2019/TLST – KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST – KDTM ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P

Trụ sở: xx L H, phường L H, Quận ĐĐ, HN Người

đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D Người đại

diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T: ông Phạm HM - là chuyên viên xử lý nợ. (có mặt)

- Bị đơn: Công Ty T.P

Trụ sở: thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thu T1 - Sinh năm 1973. Chức vụ: giám đốc (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

bà Nguyễn Thị Thu T1 – sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết là ông Nguyễn Hữu Minh và ông Nguyễn Hữu N, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm HM trình bày: ngày 14 tháng 11 năm 2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P (sau đây gọi là Ngân hàng V.P) – Chi nhánh Bình Thuận và Công ty T.P (sau đây gọi là công ty T.P) (do bà Nguyễn Thị Thu T1 đại diện theo pháp luật) ký kết hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2016. Theo đó Ngân hàng V.P – Chi nhánh Bình Thuận cho Công ty T.P vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 15/11/2016) ngày đến hạn là ngày 15/11/2019. Với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.P, bà Nguyễn Thị Thu T1 đã ký hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016 để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T.P bằng toàn bộ tài sản

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng V.P – Chi nhánh Bình Thuận đã giải ngân cho Công ty T.P toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15/11/2016. Theo thỏa thuận vào ngày 15 hàng tháng Công ty T.P trả cho ngân hàng tiền gốc là 13.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hình thức trả lãi giảm dần. Tuy nhiên đến kỳ trả tiền gốc và lãi vào ngày 15/5/2018 Công ty T.P không trả nợ theo thỏa thuận nên khoản vay trên chuyển thành nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng V.P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T.P phải trả cho ngân hàng các khoản tiền bao gồm:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
- Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
- Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2019 Công ty T.P còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty T.P không trả được nợ đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị Thu T1 chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ của Công ty T.P cho ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết, đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trước đây vào năm 2016 Công ty T.P có vay của Ngân hàng V.P số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Bà là người đại diện công ty để ký hợp đồng tín dụng. sau đó bà đã nhận giải ngân đủ số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà thực hiện đúng theo nghĩa vụ trả lãi và gốc. Bà thực hiện trả tiền gốc, tiền lãi hàng tháng cho ngân hàng đầy đủ. Cụ thể hàng tháng bà đã trả cho ngân hàng tiền gốc là 13.800.000 đồng và tiền lãi là 6.980.993 đồng. Bà trả đến tháng 5 năm 2018 thì bà bị bệnh phải nằm viện điều trị nên công ty ngưng hoạt động. Vì vậy Công ty T.P còn nợ lại 251.493.530 đồng (hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng) cùng số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh. Hiện nay ngân hàng khởi kiện

thì Công ty T.P chấp nhận trả nợ gốc và lãi trong hạn, cụ thể như sau:

Công ty T.P đồng ý trả cho Ngân hàng V.P tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng. Đối với tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng thì công ty chấp nhận trả. Tuy nhiên Công ty T.P đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho công ty trả tiền gốc và tiền lãi theo phương thức trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Đối với khoản tiền phạt chậm trả là: 26.222.403 đồng, Công ty T.P đề nghị Ngân hàng V.P miễn cho công ty vì công ty đang gặp khó khăn.

Về yêu cầu của nguyên đơn đối với trách nhiệm bảo lãnh: bà Nguyễn Thị Thu T1 xác nhận có ký kết hợp đồng bảo lãnh và đồng ý trả thay cho Công ty T.P toàn bộ số tiền còn nợ bằng toàn bộ tài sản cá nhân.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về việc Ngân hàng V.P yêu cầu Công ty T.P trả toàn bộ số tiền:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
- Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
- Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.

Là có căn cứ chấp nhận.

Do đó đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc Ngân hàng V.P yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 trả toàn bộ số tiền còn nợ trong trường hợp Công ty T.P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết giữa các bên là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty T.P có trụ sở tại thôn Lập Sơn, xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi

nhuận. Từ đó có đủ căn cứ để xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do đó, theo quy định tại khoản 1 điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Ngày 14 tháng 11 năm 2016 Công ty T.P vay của Ngân hàng V.P số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân (ngày 15/11/2016) ngày đến hạn là ngày 15/11/2019. Dưới hình thức trả góp theo kỳ, mỗi kỳ vào ngày 15 hàng tháng Công ty T.P phải trả tiền gốc là 13.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hình thức trả lãi giảm dần theo lãi suất 22,85% /năm tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.P, bà Nguyễn Thị Thu T1 đã ký hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016 để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty T.P bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình.

Hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh đều được người có thẩm quyền của các bên ký, các hợp đồng này không pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng cho Công ty T.P vào ngày 15/11/2016 tại kế ước nhận nợ thể hiện trong hồ sơ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T1 cũng thừa nhận việc này.

Tuy nhiên đến kỳ trả tiền gốc và lãi vào ngày 15/5/2018 Công ty T.P không trả nợ theo thỏa thuận nên khoản vay trên chuyển thành nợ quá hạn.

[2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ: Xét thấy, trong hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận vay dưới hình thức trả góp theo kỳ, kỳ hạn cuối cùng là ngày 15/11/2019. Tuy nhiên, tại mục 2 Điều 4 và Điều 6 của hợp đồng tín dụng có ghi rõ “Các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay...”. Do đó, khi công ty T.P vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng V.P có quyền yêu cầu công ty T.P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ đối với lãi suất trong hạn là 22.85%/năm được điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc tính lãi theo bảng kê chi tiết do Ngân hàng nộp là chính xác, đúng với thỏa thuận, không có lãi chồng lãi phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.4] Về quyền yêu cầu đối với người bảo lãnh: Theo thỏa thuận tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016, bà Nguyễn Thị Thu T1 cam kết dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của công ty T.P theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD ngày 14/11/2016 khi công ty T.P vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V.P. Xét thấy, hợp đồng bảo lãnh được Ngân hàng V.P và bà Nguyễn Thị Thu T1 ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng bảo lãnh nên có hiệu lực thi hành. Do đó, khi công ty T.P không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V.P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh. Yêu cầu của Ngân hàng V.P là phù hợp với quy định tại các điều 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.5] về việc người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu nguyên đơn miễn cho Công ty số tiền phạt lãi chậm trả và yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo hình thức trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, do phí nguyên đơn không chấp nhận, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

[2.6] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền như sau:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
 - Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
 - Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.
- Tổng cộng là 386.392.360 đồng.

Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 trở đi, số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HĐTD ngày 14/11/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp Công ty T.P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T.P theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HĐBLDS ngày 14/11/2016.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144 và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 335, 336 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P .

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P toàn bộ số tiền như sau:

- Tiền gốc còn lại: 251.493.530 đồng;
 - Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/9/2019: 108.676.426 đồng;
 - Tiền phạt chậm trả: 26.222.403 đồng.
- Tổng cộng là 386.392.360 đồng.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số SME/BHT/16/0084/HDBLDS ngày 14/11/2016.

Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2019 trở đi, số tiền lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số SME/BHT/16/0084/HDTD ngày 14/11/2016 và khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P .

*** Về án phí:**

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản - dịch vụ du lịch T.P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 19.319.000 đồng (mười chín triệu ba trăm mười chín ngàn đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.P số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.517.000 đồng (bảy triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai số N⁰ 0028241 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Như Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Vũ



